PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số: 389/KH-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			*3*	*7*	*8*	*9*	*7*	*8*	*9*	*12*
	TỔNG CỘNG	**719**	**702**	**Đến năm 2021 giảm 10% so với năm 2015**	**590**	**112**	**Đến 2025 giảm 10% so với năm 2021**	**548**	**43**	
A	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**431**	**421**	**Phấn đấu đến 2021 giảm 41 trường học**	**380**	**41**	**Phấn đấu đến 2025 giảm 38 trường học**	**342**	**38**	
I	**CẤP TỈNH**		**26**		**23**	**3**		**21**	**2**	
	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		**26**	**Giảm 3 đơn vị**	**23**	**3**		**21**	**2**	
	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn		1							
	Trường THPT Thành phố Lai Châu		1							
	Trường THPT Quyết Thắng		1							
	Trường THPT Bình Lư		1							
	Trường THPT Phong Thổ		1							
	Trường THPT Mường So		1							
	Trường THPT Dào San		1							
	Trường THPT Tân Uyên		1							
	Trường THPT Trung Đồng		1							
	Trường THPT Than Uyên		1							
	Trường THPT Mường Than		1							
	Trường THPT Mường Kim		1							
	Trường THPT Sìn Hồ		1							
	Trường THPT Nậm Tăm		1							
	Trường THPT Nậm Nhùn		1							

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trường THPT Mường Tè		1							
	Trường PTDTNT tỉnh		1							
	Trường THPT DTNT Ka Lăng		1							
	Trường DTNT THPT huyện Nậm Nhùn		1							
	Trường DTNT THPT huyện Sìn Hồ		1							
	Trường DTNT THPT Than Uyên		1							
	Trường PTDTNT huyện Tân Uyên		1							
	Trường PTDTNT huyện Mường Tè		1							
	Trường PTDTNT huyện Tam Đường		1							
	Trường PTDTNT huyện Phong Thổ		1							
	TT Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh		1	Giải thể, chuyển chức năng liên kết đào tạo về Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh						
II	**CẤP HUYỆN**	**399**	**395**	**giảm 38 đơn vị**	**357**	**38**	**0**	**321**	**36**	
1	UBND thành phố Lai Châu	27	31	Giảm 3 đơn vị	28	3	Giảm 3 đơn vị	25	3	
2	UBND huyện Tam Đường	44	43	Giảm 4 đơn vị	39	4	Giảm 4 đơn vị	35	4	
3	UBND huyện Tân Uyên	49	47	Giảm 4 đơn vị	43	4	Giảm 4 đơn vị	39	4	
4	UBND huyện Than Uyên	49	48	Giảm 5 đơn vị	43	5	Giảm 4 đơn vị	39	4	
5	UBND huyện Phong Thổ	65	65	Giảm 7 đơn vị	58	7	Giảm 6 đơn vị	52	6	
6	UBND huyện Sìn Hồ	75	75	Giảm 8 đơn vị	67	8	Giảm 7 đơn vị	60	7	
7	UBND huyện Nậm Nhùn	35	35	Giảm 3 đơn vị	32	3	Giảm 3 đơn vị	29	3	
8	UBND huyện Mường Tè	55	51	Giảm 4 đơn vị	47	4	Giảm 5 đơn vị	42	5	

TT	Đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			3	7	8	9	7	8	9	12
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	10	11	Sáp nhập Trường Trung cấp nghề DTNT, Trường Trung cấp y tế vào Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh; Chuyển chức năng liên kết đào tạo của Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh về Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh	9	2		9	0	
I	CẤP TỈNH	4	4	0	2	2	0	2	0	
1	Trường Cao đẳng cộng đồng		1	Sáp nhập với Trường Trung cấp nghề DTNT, Trường Trung cấp Y tế	1	0		1	0	
2	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Trường Trung cấp nghề DTNT		1	Sáp nhập với trường cao đẳng cộng đồng tỉnh	0	1		0	0	
3	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế: Trường Trung cấp Y tế		1	Sáp nhập với trường cao đẳng cộng đồng tỉnh	0	1		0	0	
4	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh Lai Châu		1		1	0		1	0	
II	CẤP HUYỆN	6	7		7	0		7	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Tam Đường		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Tân Uyên		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Than Uyên		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Phong Thổ		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Sìn Hồ		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp Mường Tè		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
C	LĨNH VỰC Y TẾ	150	149	- Sáp nhập 7 trung tâm lĩnh vực y tế dự phòng thành Trung tâm Phòng ngừa và kiểm soát bệnh tỉnh - Sáp nhập Trung tâm Dân số - KHHGĐ với Trung tâm y tế. - Rà soát, sắp xếp hợp lý các phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã theo hướng nơi đã có cơ sở y tế trên địa bàn cấp xã thì có thể không thành lập trạm y tế xã	124	25	Giảm 10% so với 2021	124	0	
I	CẤP TỈNH		149		124	25		124	0	
	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế	21	20	0	14	6	0	14	0	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh		1		1	0		1	0	
2	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi		1		1	0		1	0	
3	Bệnh viện Y học cổ truyền		1		1	0		1	0	
4	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản		1	Sáp nhập thành lập trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	1	0		1	0	
5	Trung tâm PC sốt rét, Ký sinh trùng - côn trùng		1			1			0	
6	Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe		1			1			0	
7	Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội		1			1			0	
8	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh		1			1			0	
9	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS		1			1			0	
10	Trung tâm Nội tiết		1			1			0	
11	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm - Thực phẩm		1		1	0		1	0	
12	Trung tâm Pháp Y		1		1	0		1	0	
13	Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên		1	Chuyển chức năng của Trung tâm DS-KHHGĐ các huyện, thành phố vào trung tâm y tế. Đổi tên Trung tâm y tế dự phòng thành phố Lai Châu thành trung tâm y tế thành phố Lai Châu (không có hệ điều trị)	1	0		1	0	
14	Trung tâm Y tế huyện Than Uyên		1		1	0		1	0	
15	Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ		1		1	0		1	0	
16	Trung tâm Y tế huyện Mường Tè		1		1	0		1	0	
17	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường		1		1	0		1	0	
18	Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ		1		1	0		1	0	
19	Trung tâm Y tế dự phòng thành phố LC		1		1	0		1	0	
20	Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			*3*	*7*	*8*	*9*	*7*	*8*	*9*	*12*
	Đơn vị sự nghiệp thuộc, chi cục, trung tâm	**129**	**129**		**110**	**19**		**110**	**0**	
a)	**Thuộc Chi cục Dân số -KHHGĐ**	**8**	**8**		**0**	**8**		**0**	**0**	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Phong Thổ		1	Sáp nhập với Trung tâm y tế huyện, thành phố	0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Sin Hồ		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Mường Tè		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Tam Đường		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Than Uyên		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Tân Uyên		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ thành phố		1		0	1		0	0	
	Trung tâm DS-KHHGĐ Nậm Nhùn		1		0	1		0	0	
b)	**Thuộc Trung tâm**	**121**	**121**		**110**	**11**		**110**	**0**	
	Trung tâm y tế thành phố Lai Châu		**7**		**7**	**0**		**7**	**0**	
	Trạm Y tế phường Tân Phong		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế phường Đoàn Kết		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế phường Quyết Thắng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Lỏong		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Sang Thàng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế phường Quyết Tiến		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế phường Đông Phong		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Y tế huyện Tam Đường		**14**		**14**	**0**		**14**	**0**	
	Trạm Y tế xã Bản Bo		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nà Tăm		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Sùng Phài		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Hồ Thầu		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Bản Hon		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trạm Y tế xã Bình Lư		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Khun Há		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Bản Giang		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tả Lèng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Thèn Sin		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nùng Nàng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Giang Ma		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Sơn Bình		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Y tế huyện Tân Uyên		**12**		**10**	**3**		**10**	**0**	
	Trạm Y tế Thân Thuộc		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Cần		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường Khoa		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Sỏ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Trung Đồng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pắc Ta		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Hố Mít		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tả Mít		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Phúc Khoa		0	**Thành lập Trạm y tế xã Phúc Khoa**	1	0		1	0	
	Phòng khám đa khoa khu vực Phúc Khoa		1	**Chuyển nguyên trạng giường bệnh của phòng khám ĐKKV Phúc Khoa về Trung tâm Y tế Tân Uyên**	0	1		0	0	
	Phòng khám đa khoa khu vực Pắc Ta		1	**Chuyển nguyên trạng giường bệnh của phòng khám ĐKKV Pắc Ta về Trung tâm Y tế Tân Uyên**	0	1		0	0	
	Phòng khám đa khoa khu vực Nậm Cần		1	**Chuyển nguyên trạng giường bệnh của phòng khám ĐKKV Nậm Cần về Trung tâm Y tế Tân Uyên**	0	1		0	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trung tâm Y tế huyện Than Uyên		**14**	**0**	**12**	**2**	**0**	**12**	**0**	
	Trạm Y tế xã Mường Mít		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Ta Gia		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Khoen On		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường Than		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường Cang		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Hua Nà		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường Kim		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tà Hừa		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pha Mu		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Phúc Than		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tà Mung		1		1	0		1	0	
	PKĐKKV Ta Gia		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của Phòng khám ĐKKV Ta Gia về Trung tâm Y tế huyện Than Uyên	0	1		0	0	
	PKĐKKV Mường Kim		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của Phòng khám ĐKKV Mường Kim về Trung tâm Y tế huyện Than Uyên	0	1		0	0	
	Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ		**24**		**23**	**3**		**23**	**0**	
	Trạm Y tế thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Hồng Thu		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tả Phìn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Phăng Sô Lin		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Xà Dề Phìn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Hăn		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trạm Y tế xã Nậm Tăm		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Cha		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Noong Hẻo		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pu Sam Cáp		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Căn Co		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Phìn Hồ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Cuổi		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tủa Xin Chải		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Làng Mô		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Ma Quai		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Ma		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Phìn Hồ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Lùng Thàng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pa Tần		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Chăn Nưa		0	Thành lập Trạm Y tế xã Chăn Nưa	1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tả Ngảo		0	Thành lập Trạm Y tế xã Tả Ngảo	1	0		1	0	
	PKĐKKV Tả Ngảo		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của PKĐKKV Tả Ngảo về Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ	0	1		0	0	
	PKĐKKV Pa Há		1		1	0		1	0	
	PKĐKKV Pa Tần		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của PKĐKKV Pa Tần về Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ	0	1		0	0	
	PKĐKKV Chăn Nưa		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của PKĐKKV Chăn Nưa về Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ	0	1		0	0	
	Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ		**21**	**0**	**18**	**3**	**0**	**18**	**0**	

TT	Đơn vị tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			3	7	8	9	7	8	9	12
	Trạm Y tế xã Hoàng Thèn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Khổng Kio		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Xe		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường So		1	Giải thể	0	1		0	0	
	Trạm Y tế xã Ma Ly Chải		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pa Vây Sử		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Dào San		1	Giải thể	0	1		0	0	
	Trạm Y tế xã Ma Ly Pho		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Sin Súi Hồ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Huổi Luông		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Bản Lang		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Lả Nhì Thàng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tung Qua Lìn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Si Lở Lầu		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Vàng Ma Chải		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mồ Si San		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mù Sang		1		1	0		1	0	
	PKĐKKV Mường So		1	Chuyển đổi thành đơn nguyên điều trị Mường So theo Công văn số 618/BYT-KCB ngày 25/01/2018 của Bộ Y tế	1	0		1	0	
	PKĐKKV Dào San		1	Chuyển đổi thành đơn nguyên điều trị Dào San theo Công văn số 618/BYT-KCB ngày 25/01/2018 của Bộ Y tế	1	0		1	0	
	PK ĐKKV Vàng Ma Chải		1	Chuyển nguyên trạng số giường bệnh của PKĐKKV Vàng Ma Chải về Trung tâm Y tế huyện Phong Thổ	0	1		0	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trung tâm Y tế huyện Mường Tè		**17**	**0**	**15**	**2**	**0**	**15**	**0**	
	Trạm Y tế xã Pa Vệ Sử		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Bum Tở		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pa Ủ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Ka Lăng		1	Giải thể	0	1		0	0	
	Trạm Y tế xã Mù Cả		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Thu Lũm		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Mường Tè		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Khao		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Bum Nưa		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tá Tổng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Can Hồ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Tá Pạ		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Vàng San		1		1	0		1	0	
	PKĐKKV Ka Lăng		1	Chuyển đổi thành đơn nguyên điều trị Ka Lăng theo Công văn số 618/BYT-KCB ngày 25/01/2018 của Bộ Y tế	1	0		1	0	
	PKĐKKV Mường Tè		1	Chuyển đổi thành đơn nguyên điều trị Mường Tè theo Công văn số 618/BYT-KCB ngày 25/01/2018 của Bộ Y tế	1	0		1	0	
	PKĐKKV Pắc Ma		1	Giải thể	0	1		0	0	
	Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn		**12**	**0**	**11**	**1**	**0**	**11**	**0**	
	Trạm Y tế xã Hua Bum		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Hàng		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Manh		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			*3*	*7*	*8*	*9*	*7*	*8*	*9*	*12*
	Trạm Y tế xã Mường Mô		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế Thị Trấn		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Ban		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Lê Lợi		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Pú Đao		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Pì		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Trung Chải		1		1	0		1	0	
	Trạm Y tế xã Nậm Chà		1		1	0		1	0	
	PKĐKKV Nậm Hàng		1	**Chuyển đổi nguyên trạng số giường bệnh của Phòng khám ĐKKV Nậm Hàng về Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn**	0	1		0	0	
	CẤP HUYỆN		0			0				
D	**LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**3**	**3**	**Chỉ tổ chức một đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ**	**1**	**2**		**1**	**0**	
I	**CẤP TỈNH: Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ**		**3**		**1**	**2**		**1**	**0**	
	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN		1	**Sáp nhập thành lập 1 đơn vị**	0	1		0	0	
	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ		1		1	0		1	0	
	Đơn vị trực thuộc chi cục thuộc Sở Khoa học và công nghệ: Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL thuộc Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng		1		**0**	1		**0**	0	
II	**CẤP HUYỆN**	**0**	**0**			0				
D	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**7**	**7**	**- Hợp nhất trung tâm văn hóa và đoàn nghệ thuật.** **- Sáp nhập các trung tâm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch** **- Sáp nhập các trung tâm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**	**3**	**4**		**3**	**0**	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
I	CẤP TỈNH		7		3	4		3	0	
	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		7		3	4		3	0	
1	Bảo tàng tỉnh		1	Hợp nhất thành lập một đơn vị	0	1		0	0	
2	Thư viện tỉnh		1		1	0		1	0	
3	Đoàn nghệ thuật tỉnh		1	Hợp nhất thành lập một đơn vị	1	0		1	0	
4	Trung tâm văn hóa tỉnh		1		0	1		0	0	
5	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng		1		0	1		0	0	
6	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao		1		1	0		1	0	
7	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch		1	Sáp nhập với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại; Trung tâm xúc tiến đầu tư thành Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	1		0	0	
II	CẤP HUYỆN		0			0			0	
E	LĨNH VỰC THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	13	13	Kiện toàn các đơn vị sự nghiệp về công nghệ thông tin theo hướng tinh gọn	11	2		11	0	
I	CẤP TỈNH	5	5		3	2		3	0	
1	**Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh**	1	1		1	0		1	0	
2	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Văn phòng UBND tỉnh**	1	1		1	0		1	0	
	Trung tâm Tin học - Công báo		1	Chuyển bộ phận biên tập Phòng Biên tập cổng thông tin điện tử tỉnh trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông về UBND tỉnh theo Thông tư số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23/10/2015 và công văn số 8000/VPCP-HC ngày 23/9/2016	1	0		1	0	

TT	Tên đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1		*2*	*3*	*7*	*8*	*9*	*7*	*8*	*9*	*12*
3	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông**	**3**	**3**		**1**	**2**		**1**	**0**	
	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông		1	**Tiếp nhận bộ phận quản trị của Phòng Biên tập Cổng Thông tin điện tử**	1	0		1	0	
	Trung tâm Phát hành sách - Văn hóa phẩm		1	**Giải thể**	0	1		0	0	
	Phòng Biên tập Cổng Thông tin điện tử		1	**Chuyển bộ phận biên tập của phòng về Văn phòng UBND tỉnh, sáp nhập với trung tâm tin học và công báo theo Thông tư số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23/10/2015 và công văn số 8000/VPCP-HC ngày 23/9/2016; chuyển bộ phận quản trị về Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông**	0	1		0	0	
II	**CẤP HUYỆN**	**8**	**8**		**8**	**0**		**8**	**0**	
1	Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Lai Châu		1		1	0		1	0	
2	Đài Truyền thanh- truyền hình huyện Tam Đường		1		1	0		1	0	
3	Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Tân Uyên		1		1	0		1	0	
4	Đài Truyền thanh - Truyền hình Than Uyên		1		1	0		1	0	
5	Đài truyền thanh truyền hình huyện Phong Thổ		1		1	0		1	0	
6	Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Sìn Hồ		1		1	0		1	0	
7	Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	
8	Đài truyền thanh truyền hình huyện Mường Tè		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
F	LĨNH VỰC KINH TẾ, SỰ NGHIỆP KHÁC	105	98	- Chuyển mạnh các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần. Giải thể đơn vị sự nghiệp kinh tế hoạt động không hiệu quả. - Đối với lĩnh vực nông nghiệp và PTNT: Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú ý, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông thành Trung tâm dịch vụ nông nghiệp và chuyển về UBND cấp huyện quản lý. Sáp nhập các cơ quan tương ứng ở cấp tỉnh, đưa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan này về Sở Nông nghiệp và PTNT Sắp xếp các ban quản lý rừng phòng hộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả.	62	36	Chuyển mạnh các đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần. Giải thể đơn vị sự nghiệp kinh tế hoạt động không hiệu quả.	58	5	
I	CẤP TỈNH		52		30	22		26	5	
1	Ban QL TT Hành chính - CT tỉnh		1	Sáp nhập Nhà khách Hương Phong vào Ban QL TT Hành chính - CT tỉnh	1	0	Chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp	1	0	
2	Nhà khách Hương Phong		1		0	1		0	1	
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông		1		1	0		1	0	
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn		1		1	0		1	0	
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp		1		1	0		1	0	
6	Đơn vị sự nghiệp thuộc Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng: Đội Quản lý và khai thác cửa khẩu		1		1	0		1	0	
7	Trung tâm Hoạt động Thanh, thiếu nhi thuộc Tỉnh đoàn Lai Châu		1		1	0		1	0	
9	Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư		2		1	1		1	0	
-	Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư		1	Sáp nhập với Trung tâm xúc tiến du lịch - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; một phần của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại - Sở Công thương để thành lập Trung tâm Xúc Tiến - Thương Mại - Du lịch trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0		1	0	
-	Ban QL dự án giảm nghèo tỉnh		1	Giải thể sau khi hết dự án	0	1		0	0	

TT	Tên đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
10	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài chính**		**1**		**1**	**0**		**1**	**0**	
	Trung tâm Tư vấn dịch vụ tài chính		1	**Năm 2019 - 2020 tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; Năm 2021 tự chủ chi thường xuyên**	1	0	**Tự chủ chi thường xuyên**	1	0	
11	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp**		**3**		**3**	**0**		**3**	**0**	
	Phòng Công chứng số 1		1	**Năm 2019 - 2021 tự chủ chi thường xuyên**	1	0	**Tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư**	1	0	
	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản		1	**Năm 2019, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; năm 2020, tự chủ chi thường xuyên**	1	0	**Tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư**	1	0	
	Trung tâm trợ giúp pháp lý		1		1	0		1	0	
12	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội**		**5**		**5**	**0**		**5**	**0**	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Điều trị cai nghiện bắt buộc		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Dịch vụ việc làm		1		1	0		1	0	
	Quỹ Bảo trợ trẻ em		1		1	0		1	0	
13	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT**		**3**		**1**	**2**		**1**	**0**	
	Trung tâm Khuyến nông		1	**Giải thể**	0	1		0	0	
	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn		1	**Giải thể**	0	1		0	0	
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng		1	**Tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự tài chính 2017 - 2019**	1	0		1	0	
14	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**		**5**		**3**	**2**		**1**	**2**	
	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường		1	**Sáp nhập thành một đơn vị; đưa Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện thuộc UBND huyện quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường**	0	1		0	0	
	Văn phòng đăng ký đất đai		1		1	0		1	0	
	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường		1	**Sáp nhập thành một đơn vị; chuyển sang tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư trước năm 2021**	0	1	**Cổ phần hóa trước 2025**	0	0	
	Trung tâm phát triển quỹ đất		1		1	0		0	1	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường		1	**Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên**	1	0	**Tự chủ chi thường xuyên; Tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư; Cổ phần hóa trước 2030**	0	1	
15	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Công thương**		**1**		1	0		1	0	
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại		1	**Sáp nhập một phần với Trung tâm xúc tiến du lịch, Trung tâm xúc tiến đầu tư để thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại - Du lịch trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh; nhiệm vụ khuyến công kiện toàn thành lập Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp**	1	0		1	0	
16	**Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông vận tải**		**3**		**3**	**0**		**1**	**2**	
	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới		1	**Năm 2019 - 2020, tự chủ chi thường xuyên; năm 2021, tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư**	1	0	**Chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp**	0	1	
	Bến xe khách tỉnh		1	**Năm 2019 - 2021 tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư**	1	0	**Chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp**	0	1	
	Ban Quản lý bảo trì công trình đường bộ		1	**Đơn vị không giao biên chế, tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên**	1	0	**Đơn vị không giao biên chế, tự chủ chi đầu tư, chi thường xuyên**	1	0	
17	**Đơn vị trực thuộc Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT**		**21**	**Đối với lĩnh vực nông nghiệp và PTNT: Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú y, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông thành Trung tâm dịch vụ nông nghiệp và chuyển về UBND cấp huyện quản lý**	**5**	**16**		**5**	**0**	
a)	**Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật**		**10**	**Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về Sở Nông nghiệp và PTNT**	**2**	**8**		**2**	**0**	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành phố Lai Châu		1	**Chuyển về UBND cấp huyện quản lý sáp nhập với trạm Chăn nuôi và Thý y, trạm khuyến nông huyện thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND cấp huyện**	0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Tam Đường		1		0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Tân Uyên		1		0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Than Uyên		1		0	1		0	0	

TT	Đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Sìn Hồ		1	Chuyển về UBND cấp huyện quản lý sáp nhập với trạm Chăn nuôi và Thú y, trạm khuyến nông huyện thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND cấp huyện	0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Phong Thổ		1		0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Mường Tè		1		0	1		0	0	
	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Nậm Nhùn		1		0	1		0	0	
	Trạm Kiểm dịch nội địa	1	1		1	0		1	0	
	Trạm Kiểm dịch thực vật cửa khẩu Ma Lù Thàng	1	1		1	0		1	0	
b)	**Chi cục Chăn nuôi và Thú y**		9	Chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về Sở Nông nghiệp và PTNT	1	8		1	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Lai Châu		1	Chuyển về UBND cấp huyện quản lý sáp nhập với trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, trạm khuyến nông huyện thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND cấp huyện	0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Tam Đường		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Tân Uyên		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Than Uyên		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Sìn Hồ		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phong Thổ		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Mường Tè		1		0	1		0	0	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Nậm Nhùn		1		0	1		0	0	
	Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu Ma Lù Thàng		1		1	0		1	0	
c)	**Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**		2		2	0		2	0	
	Trạm Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản I		1		1	0		1	0	
	Trạm Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản II		1		1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
18	Đơn vị trực thuộc Chi cục Giám định thuộc Sở Xây dựng		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng		1	Tự chủ chi thường xuyên	1	0	Tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư	1	0	
II	CẤP HUYỆN		46		32	14		32	0	
1	UBND thành phố Lai Châu		5		4	1		4	0	
	Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố		1		1	0		1	0	
	Ban Quản lý dự án thành phố		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố		1		1	0		1	0	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố		1	Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0	1		0	0	
	Trạm Khuyến nông thành phố		1	sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND thành phố	1	0		1	0	
2	UBND huyện Tam Đường		6		4	2		4	0	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường		1		1	0		1	0	
	Ban Quản lý Dự án huyện Tam Đường		1		1	0		1	0	
	Trạm Khuyến nông huyện Tam Đường		1	sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện	1	0		1	0	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tam Đường		1		1	0		1	0	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tam Đường		1	Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0	1		0	0	
	Ban Quản lý dự án giảm nghèo huyện Tam Đường		1	Giải thể sau khi hết dự án	0	1		0	0	

TT	Đơn vị	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			3	7	8	9	7	8	9	12
3	**UBND huyện Tân Uyên**		5		4	1		4	0	
	Ban Quản lý XDCB&HTKT-ĐC Tân Uyên		1		1	0		1	0	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tân Uyên		1		1	0		1	0	
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên		1		1	0		1	0	
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Uyên		1	Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0	1		0	0	
	Trạm Khuyến nông huyện Tân Uyên		1	sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện	1	0		1	0	
4	**UBND huyện Than Uyên**		6		4	2		4	0	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Than Uyên		1		1	0		1	0	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Than Uyên		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Than Uyên		1		1	0		1	0	
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Than Uyên		1	Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0	1		0	0	
	Trạm Khuyến nông huyện Than Uyên		1	sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện	1	0		1	0	
	Ban Quản lý chợ huyện Than Uyên		1	Giải thể	0	1		0	0	
5	**UBND huyện Phong Thổ**		6		4	2		4	0	
	Trạm khuyến nông huyện Phong Thổ		1	sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện	1	0		1	0	

TT	Tên tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1	2		3	7	8	9	7	8	9	12
	Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Phong Thổ		1		1	0		1	0	
	Ban quản lý dự án huyện Phong Thổ		1		1	0		1	0	
	Ban quản lý dự án giảm nghèo huyện Phong Thổ		1	**Giải thể sau khi hết dự án**	0	1		0	0	
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phong Thổ		1		1	0		1	0	
	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phong Thổ		1	**Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	0	1		0	0	
6	**UBND huyện Sìn Hồ**		**7**		**4**	**3**		**4**	**0**	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ Nậm Mạ huyện Sìn Hồ		1	**Sáp nhập hai ban Quản lý dự án phòng hộ thành một ban**	1	0		1	0	
	Ban Quản lý rừng Nậm Na huyện Sìn Hồ		1		0	1		0	0	
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ		1		1	0		1	0	
	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Sìn Hồ		1		1	0		1	0	
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Sìn Hồ		1	**Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	0	1		0	0	
	Trạm khuyến nông huyện Sìn Hồ		1	**sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện**	1	0		1	0	
	Ban Quản lý dự án giảm nghèo huyện Sìn Hồ		1	**Giải thể sau khi hết dự án**	0	1		0	0	
7	**UBND huyện Nậm Nhùn**		**4**		**4**	**0**		**4**	**0**	
	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản huyện Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	
	Trạm khuyến nông huyện Nậm Nhùn		1	**Sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện**	1	0		1	0	

TT	Tổ chức	Số ĐVSN năm 2015	Thực trạng số ĐVSN đến 01/3/2018	Phương án sắp xếp từ năm 2018 - 2021	Số ĐVSN đến năm 2021		Phương án sắp xếp từ năm 2022 - 2025	Số ĐVSN đến năm 2025		Ghi chú
					Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm		Số ĐVSN còn lại sau sắp xếp	Số ĐVSN giảm	
1			*3*	*7*	*8*	*9*	*7*	*8*	*9*	*12*
	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Nậm Nhùn		1		1	0		1	0	
8	**UBND huyện Mường Tè**		**7**		**4**	**3**		**4**	**0**	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ trung tâm huyện Mường Tè		1	**Sáp nhập hai ban Quản lý dự án phòng hộ thành một ban**	1	0		1	0	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ phía bắc huyện Mường Tè		1		0	1		0	0	
	Ban Quản lý DAPTKTXH huyện Mường Tè		1		1	0		1	0	
	Trạm Khuyến nông - Khuyến lâm huyện Mường Tè		1	**sáp nhập với trạm Chăn nuôi & Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV để thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thuộc UBND huyện**	1	0		1	0	
	Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Mường Tè		1		1	0		1	0	
	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mường Tè		1	**Chuyển về Văn phòng đất đai tỉnh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường**	0	1		0	0	
	Ban quản lý dự án giảm nghèo huyện Mường Tè		1	**Giải thể sau khi hết dự án**	0	1		0	0	